

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**BẠCH THỊ HUYỀN**

**HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH  
DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT XI  
MĂNG NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Kế toán

*Mã số* : 9.34.03.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2022**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH  
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

*Người hướng dẫn khoa học:* 1. TS. Nguyễn Viết Lợi  
2. TS. Nguyễn Tuấn Phương

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

*Phản biện 3:* .....

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án  
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính  
Vào hồi ..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 20....**

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Tài chính**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Cuộc Cách mạng Công nghiệp (CMCN) lần thứ tư còn được gọi là CMCN 4.0 đã mở ra nhiều cơ hội cũng như tạo ra vô số những khó khăn, thách thức cho các doanh nghiệp (DN). Nếu các DN Việt Nam hoạt động kinh doanh không hiệu quả thì sẽ sớm bị phá sản và bước chân ra khỏi cuộc cạnh tranh khốc liệt. Những năm gần đây, ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và sản xuất xi măng nói riêng liên tục có sự phát triển và đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng trong nước. Tuy nhiên ngành công nghiệp xi măng Việt Nam cũng gặp rất nhiều khó khăn như tình trạng cung vẫn đang vượt cầu ở thị trường nội địa, giá các yếu tố đầu vào như điện, than, chi phí vận tải không ngừng gia tăng đặc biệt là sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ khiến các DN sản xuất (DNSX) xi măng gặp không ít những thách thức. Với đặc thù riêng của ngành xi măng là nguyên liệu đầu vào dùng cho sản xuất được khai thác từ chính tài nguyên thiên nhiên, mà tài nguyên thiên nhiên lại là hữu hạn như than, đá vôi và hơn nữa ngành sản xuất công nghiệp này gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường do lượng phát thải khí CO<sub>2</sub> ra môi trường tương đối cao trung bình mỗi tấn xi măng sẽ thải ra 1,2 - 1,5 tấn CO<sub>2</sub>. Yêu cầu đặt ra đối với các DNSX xi măng là làm thế nào để sản xuất hiệu quả nhưng phải đi liền với bảo vệ môi trường nghĩa là giảm thiểu hóa các chất thải ra môi trường hoặc có các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường.

Phân tích hiệu quả kinh doanh (HQKD) là một công cụ quản lý hết sức quan trọng và cần thiết trong việc nâng cao HQKD giúp các DN phát triển ổn định và bền vững trong môi trường kinh tế cạnh tranh khắc nghiệt và mang tính toàn cầu như hiện nay. Thực tế cho thấy việc phân tích HQKD trong các DN sản xuất xi măng niêm yết hiện nay - là những DN mà có yêu cầu cao về công khai, minh bạch thông tin vẫn còn nhiều bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng quan tâm. Những bất cập về phân tích HQKD trong các DNSX xi măng không chỉ tồn tại ở dữ liệu sử dụng để phân tích mà còn tồn tại cả trong nội dung phân tích, chỉ tiêu sử dụng và phương pháp phân tích. Cụ thể như nội dung phân tích tại các DN vẫn còn khá sơ sài, chưa đầy đủ và những chỉ tiêu được sử dụng

chưa gắn với đặc thù ngành nghề kinh doanh, việc vận dụng các phương pháp mới chỉ dừng lại ở các phương pháp hết sức cơ bản và đơn giản cũng như quy trình phân tích chưa thực sự khoa học và logic. Vì vậy tác giả đã tiến hành lựa chọn và nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam”*** với mong muốn sẽ đưa ra được những giải pháp có tính khả thi nhất giúp các DNSX xi măng kinh doanh hiệu quả hướng tới phát triển ổn định và bền vững.

## **2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu**

**2.1. Các nghiên cứu về cơ sở dữ liệu, nội dung phân tích, phương pháp và quy trình phân tích hiệu quả kinh doanh**

**2.2. Các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và đo lường mức độ ảnh hưởng**

**2.3. Các nghiên cứu về các doanh nghiệp sản xuất xi măng**

**2.4. Xác lập vấn đề nghiên cứu**

*Về cơ sở dữ liệu:* tác giả kế thừa nguồn dữ liệu được sử dụng trong phân tích HQKD đồng thời chỉ rõ những thay đổi căn bản về nguồn cơ sở dữ liệu dùng trong phân tích HQKD cho các DNSX xi măng niêm yết khi sử dụng BCTC lập theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

*Về phương pháp phân tích:* tác giả kế thừa các phương pháp phân tích HQKD đặc biệt là phương pháp dự báo thông qua mô hình kinh tế lượng và tác giả lấp đầy khoảng trống của nghiên cứu trước bằng việc bổ sung cơ sở lý thuyết cho việc lựa chọn các nhân tố (biến độc lập) khi đưa vào mô hình hồi quy để dự báo các chỉ tiêu kinh tế, HQKD của DN trong tương lai.

*Về nội dung phân tích:* tác giả kế thừa cách tiếp cận nội dung phân tích HQKD trên các khía cạnh về hiệu quả kinh tế và HQXH đồng thời bổ sung thêm khía cạnh về HQMT. Tác giả sẽ sắp xếp lại một vài chỉ tiêu bản chất phản ánh HQMT nhưng đang được trình bày trên ở khía cạnh HQXH tại một số nghiên cứu trước đồng thời bổ sung thêm các chỉ tiêu phản ánh HQMT.

*Về quy trình phân tích:* tác giả kế thừa quy trình phân tích chung của các nghiên cứu trước và thiết lập quy trình phân tích chi tiết và cụ thể các bước phù hợp

với các DN xi măng nói chung và các DNSX xi măng niêm yết nói riêng trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 khi mà nền kinh tế đang chuyển đổi số không ngừng.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án**

Mục tiêu cơ bản, xuyên suốt của luận án là thông qua nghiên cứu lý luận về HQKD, phân tích HQKD và thực trạng công tác phân tích HQKD để kiến nghị các giải pháp hoàn thiện phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết tại Việt Nam. Từ đó cung cấp thông tin cần thiết cho các đối tượng quan tâm đặc biệt là các nhà quản trị DN và các nhà đầu tư.

Từ mục tiêu cơ bản đó, các mục tiêu nghiên cứu cụ thể được xác định là:

- Nhận diện HQKD và phân tích HQKD trong các DNSX.
- Đánh giá đầy đủ và đúng đắn thực trạng phân tích HQKD tại các DNSX xi măng niêm yết bao gồm nguồn cơ sở dữ liệu, nội dung phân tích, phương pháp phân tích và quy trình phân tích.
- Chỉ rõ căn cứ để đề xuất các giải pháp khả thi giúp các DNSX xi măng niêm yết có thể vận dụng vào đơn vị mình nhằm hoàn thiện hoạt động phân tích HQKD đáp ứng nhu cầu thông tin cho các đối tượng quan tâm đặc biệt là cung cấp thông tin chủ yếu cho nhà quản trị và NĐT.

### **4. Câu hỏi nghiên cứu của luận án**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận án cần trả lời chi tiết các câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi tổng quát: Những giải pháp thích hợp nào cần thiết phải áp dụng để hoàn thiện phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết.

Từ đó, luận án phải giải đáp được các câu hỏi cụ thể sau:

- Bản chất và nội dung của HQKD và phân tích HQKD trong các DNSX?
- Hoạt động phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết đang diễn ra như thế nào? Nguồn dữ liệu để phân tích, các nội dung phân tích, phương pháp phân tích HQKD và quy trình phân tích cụ thể ra sao?
- Dựa trên những căn cứ nào để đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết tại Việt Nam?

### **5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **5.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu mà luận án hướng tới đó là: Hoạt động phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết tại Việt Nam.

### **5.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động phân tích HQKD diễn ra trong các DN, bao gồm: cơ sở dữ liệu, nội dung phân tích, phương pháp phân tích và quy trình phân tích để tìm ra những mặt còn hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế. Từ đó, kiến nghị các giải pháp khắc phục nhằm hoàn thiện phân tích HQKD trong các DN.

- *Về không gian*: Luận án nghiên cứu tại 18 DNSX xi măng niêm yết trên cả 3 sàn giao dịch chứng khoán HSE, HNX và UPCOM.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020. Đây là khoảng thời gian đủ dài để dữ liệu thu thập được có thể sử dụng trong phân tích dự báo bằng phương pháp mô hình kinh tế lượng đồng thời với thời gian nghiên cứu từ 5 năm trở lên giúp DN đánh giá được tốc độ cũng như xu hướng tăng trưởng của chính DN.

## **6. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

### **6.1. Quy trình nghiên cứu**

Luận án sử dụng kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để đạt mục tiêu nghiên cứu đề ra. Trong đó, nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc điều tra, khảo sát, phỏng vấn các đối tượng có liên quan nhằm thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng phân tích HQKD tại các DNSX xi măng niêm yết còn nghiên cứu định lượng được tiến hành thông qua việc thu thập các dữ liệu bằng số, sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm tóm tắt dữ liệu, tổng hợp và phân tích kết quả của các dữ liệu định lượng dưới dạng bảng, biểu số liệu hay biểu đồ nhằm đánh giá thực trạng phân tích HQKD tại các DNSX xi măng niêm yết.

### **6.2. Phương pháp thu thập dữ liệu**

- Nguồn dữ liệu thứ cấp: Tác giả thu thập dữ liệu chủ yếu từ các BCTC, báo cáo thường niên, báo cáo phân tích của các DNSX xi măng niêm yết trên các Website

có độ tin cậy cao. Tổng số DNSX xi măng niêm yết thuộc đối tượng nghiên cứu trong luận án tính đến thời điểm 31/12/2020 là 18 DN

- Nguồn dữ liệu sơ cấp: Tác giả trực tiếp thu thập thông qua điều tra, khảo sát, phỏng vấn trực tiếp các đối tượng có liên quan đến đề tài bằng 2 cách: (1) gọi điện trực tiếp đến các đối tượng khảo sát; (2) gửi email đến từng đối tượng được khảo sát.

## **7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

### **\* Ý nghĩa khoa học**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về HQKD và phân tích HQKD trong các DN.

### **\* Ý nghĩa thực tiễn:**

Luận án đã chỉ rõ những mặt đã đạt được cũng như những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế cần khắc phục trong phân tích HQKD của các DNSX xi măng niêm yết. Ngoài ra luận án đã chỉ rõ và phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới HQKD dưới góc độ hiệu quả kinh tế giúp các DNSX xi măng niêm yết dự báo xu hướng phát triển của DN trong tương lai. Cuối cùng, luận án kiến nghị một số giải pháp khả thi có thể áp dụng cho các DNSX xi măng trong quá trình phân tích HQKD.

## **8. Kết cấu Luận án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận; danh mục bảng; danh mục hình; danh mục phụ lục, tài liệu tham khảo, luận án được chia thành 3 chương:

*Chương 1:* Lý luận chung về phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất.

*Chương 2:* Thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam.

*Chương 3:* Giải pháp hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam.

## Chương 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

### 1.1. Hiệu quả kinh doanh và phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất

#### 1.1.1. Hiệu quả kinh doanh

HQKD đã xuất hiện trên thế giới từ rất lâu và được rất nhiều các nhà khoa học trên thế giới cũng như các nhà khoa học trong nước dày công nghiên cứu. Mỗi nhà nghiên cứu sẽ có cách tiếp cận hay quan điểm nhìn nhận theo nhiều khía cạnh khác nhau. Điểm chung nhất trong các quan điểm của các nhà nghiên cứu là: HQKD của DN phản ánh việc DN sử dụng tiết kiệm, tối ưu các chi phí hay nguồn lực đầu vào để đạt kết quả đầu ra được tối đa hay cao nhất. Trên cơ sở kế thừa quan điểm của các nghiên cứu trước đây, tác giả luận án cho rằng: *HQKD của các DN trong nền kinh tế thị trường là một phạm trù kinh tế phản ánh việc sử dụng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất có giới hạn một cách hữu hiệu nhất đáp ứng mong muốn của DN đề ra trong từng thời kỳ khác nhau và có sự kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế gắn với HQXH và HQMT hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.*

Ngày nay khi môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều rủi ro, biến động không ngừng đặc biệt là xu hướng phát triển bền vững - yêu cầu gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Do đó tác giả cho rằng khi xem xét đến hiệu quả của DN cần được xem xét đầy đủ trên cả 3 góc độ gồm hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường đặc biệt đối với các DN có mức độ gây ô nhiễm môi trường cao. Hiệu quả môi trường có được khi DN không ngừng có các hoạt động làm giảm thiểu hoặc ngăn chặn tác động xấu đến môi trường gây ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Và đây cũng là cách tiếp cận của tác giả trong luận án.

#### 1.1.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh

Phân tích HQKD được hiểu là quá trình vận dụng các phương pháp phân tích mang tính nghiệp vụ - kỹ thuật (còn gọi là các công cụ và kỹ thuật phân tích) để tiến hành xem xét, đánh giá các dữ liệu phản ánh HQKD trên mọi khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Từ đó, nhận biết đúng đắn HQKD thực sự của DN, dự báo được

HQKD cũng như tốc độ tăng trưởng HQKD của DN, cung cấp thông tin cần thiết cho các đối tượng quan tâm phục vụ cho việc đưa ra các quyết sách phù hợp.

Khi tiến hành phân tích HQKD cần được thực hiện đầy đủ trên cả 3 góc độ gồm hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường nhằm phản ánh chính xác, đầy đủ hiệu quả của DN.

### ***1.1.3. Ý nghĩa của phân tích hiệu quả kinh doanh***

Phân tích HQKD là công cụ đắc lực giúp DN thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Thông tin có được từ phân tích HQKD sẽ là cơ sở khoa học giúp cho mọi đối tượng sử dụng thông tin như nhà quản trị DN, nhà đầu tư, các cơ quan chức năng và các đối tượng khác để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.

Đối với nhà quản trị: Thông tin từ phân tích HQKD đem lại giúp các nhà quản trị đo lường khả năng sinh lợi cũng như tiềm lực tài chính trong dài hạn của DN. Ngoài ra, nó cũng giúp nhà quản trị đánh giá năng lực quản lý hay việc lập kế hoạch và kiểm soát hoạt động của DN.

Đối với nhà đầu tư: Kết quả mà phân tích HQKD đem lại giúp nhà đầu tư biết được số vốn mà họ đã đầu tư có được sử dụng hiệu quả hay không và giúp họ đánh giá được triển vọng phát triển của DN trong tương lai.

Đối với các đối tượng khác: Thông tin do HQKD mang lại sẽ là căn cứ quan trọng, đáng tin cậy để đưa ra các quyết định đúng đắn.

## **1.2. Dữ liệu, nội dung, phương pháp và quy trình phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất**

### ***1.2.1. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích hiệu quả kinh doanh***

Nguồn dữ liệu sử dụng cho phân tích HQKD bao gồm các thông tin bên trong DN và các thông tin bên ngoài DN. Trong đó thông tin bên trong DN là hệ thống báo cáo tài chính (BCTC) cùng với các báo cáo quản trị còn các thông tin bên ngoài DN như thông tin về tình hình kinh tế, thông tin theo ngành, thông tin về các đối thủ cạnh tranh,... Với các thông tin trên BCTC phải đảm bảo tính nhất quán và có thể so sánh được.

### ***1.2.2. Nội dung phân tích***

### *1.2.2.1. Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh dưới góc độ hiệu quả kinh tế*

#### **+ Đánh giá khái quát HQKD:**

Để đánh giá khái quát HQKD các nhà phân tích sử dụng phương pháp so sánh bằng cách so sánh trị số của chỉ tiêu của kỳ phân tích so với trị số của kỳ trước hoặc các kỳ trước để thấy được sự biến động của chỉ tiêu phân tích. Một số chỉ tiêu cơ bản được sử dụng như: tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần; tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần; tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất chi phí trên tổng doanh thu.

#### **+ Phân tích năng lực hoạt động:**

Phân tích năng lực hoạt động được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp so sánh kết hợp phương pháp thay thế liên hoàn để xác định ảnh hưởng của từng nhân tố tác động đến chỉ tiêu phân tích. Năng lực hoạt động của DN phản ánh khả năng sử dụng các chi phí/yếu tố đầu vào được thể hiện qua chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển của chi phí/yếu tố đầu vào. Tốc độ luân chuyển lại được đánh giá thông qua chỉ tiêu “Số vòng quay của từng đối tượng” và “Thời gian 1 vòng quay của từng đối tượng. Từ đó, nhà phân tích tiến hành phân tích năng lực hoạt động của hàng tồn kho, của tổng tài sản hay của các khoản phải thu,....

#### **+ Phân tích khả năng sinh lợi:**

Khi phân tích các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lợi các nhà phân tích sử dụng phương pháp so sánh kết hợp với phương pháp loại trừ hoặc kết hợp với phương pháp Dupont. Các chỉ tiêu trong nhóm này được các đối tượng đặc biệt quan tâm bởi chúng sẽ là căn cứ để các nhà quản lý đánh giá HQKD hiện tại và đưa ra các quyết định kinh doanh trong tương lai còn nhà đầu tư dựa vào đó để làm căn cứ quan trọng trong các quyết định đầu tư. Chỉ tiêu nhà phân tích sử dụng có thể là khả năng lợi của tài sản (ROA), khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE) và khả năng sinh lợi của chi phí.

#### **+ Phân tích HQKD từ phía nhà đầu tư:**

Nhà phân tích khi đánh giá các chỉ tiêu của nhóm này sử dụng phương pháp so sánh kết hợp với phương pháp biểu đồ, có thể kết hợp với phương pháp loại trừ để xác định ảnh hưởng của nhân tố lên chỉ tiêu phân tích từ đó có những nhận định,

đánh giá cụ thể. Trước khi đưa ra quyết định có nên đầu tư vào một DN nào đó thì các nhà đầu tư có thể phân tích HQKD của DN đó thông qua một số chỉ tiêu như thu nhập trên mỗi cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu phổ thông, hệ số giá trên thu nhập cổ phiếu và hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách.

#### *1.2.2.2. Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh dưới góc độ hiệu quả xã hội*

Khi phân tích các chỉ tiêu phản ánh HQXH nhà phân tích chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh để so sánh giữa các năm, so sánh với DN khác cùng ngành, cùng lĩnh vực kinh doanh và so sánh với chỉ tiêu trung bình ngành từ đó thấy được mức đóng góp của DN cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Một số chỉ tiêu có thể sử dụng khi phân tích HQKD dưới góc độ hiệu quả xã hội như: mức đóng góp vào ngân sách nhà nước; giải quyết việc làm cho người lao động; thu nhập bình quân của người lao động; số ca tai nạn lao động trong năm và các khoản chi cho hoạt động xã hội.

#### *1.2.2.3. Nội dung phân tích hiệu quả kinh doanh dưới góc độ hiệu quả môi trường*

Khi phân tích các chỉ tiêu phản ánh HQMT nhà phân tích chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh để so sánh giữa các năm, so sánh với DN khác cùng ngành, cùng lĩnh vực kinh doanh và so sánh với chỉ tiêu trung bình ngành từ đó thấy được mức đóng góp của DN trong vấn đề bảo vệ môi trường. Các nhà phân tích có thể kết hợp cùng với phương pháp SWOT trong quá trình phân tích để đánh giá về hoạt động bảo vệ môi trường của DN với xã hội giúp DN phát triển ổn định và bền vững. Một số chỉ tiêu có thể sử dụng khi phân tích HQKD dưới góc độ hiệu quả môi trường như: ý thức và trách nhiệm của DN đối với bảo vệ môi trường; khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản theo đúng qui định; chi phí hoàn nguyên môi trường; chi phí thu mua nguồn nguyên, nhiên liệu thứ cấp; chi phí thu mua chất thải của các nhà máy công nghiệp khác; mức đầu tư cho xử lý ô nhiễm khí thải; mức đầu tư cho xử lý ô nhiễm bụi thải; tổng số lần bị xử phạt về vi phạm pháp luật môi trường; tổng số tiền bị xử phạt; đóng góp cho cộng đồng và địa phương và tái tạo cảnh quan môi trường.

#### **1.2.3. Phương pháp phân tích**

Các phương pháp có thể được sử dụng trong phân tích HQKD bao gồm: phương pháp chi tiết chỉ tiêu nghiên cứu; phương pháp so sánh; phương pháp loại trừ; phương pháp liên hệ cân đối; phương pháp biểu đồ; phương pháp Dupont; phương pháp ma trận SWOT và phương pháp dự báo.

#### ***1.2.4. Quy trình phân tích***

Quy trình phân tích được hiểu là các bước công việc mà người phân tích cần thực hiện từ việc sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân sự, phân công công việc cụ thể cho từng người để đạt được kết quả phân tích. Quy trình phân tích HQKD trong các DN bao gồm 3 giai đoạn: Chuẩn bị phân tích, tiến hành phân tích và kết thúc phân tích. Để hoạt động phân tích HQKD đạt hiệu quả cao đòi hỏi DN cần chuẩn bị và thực hiện tốt từng giai đoạn của quá trình phân tích.

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phân tích hiệu quả kinh doanh**

#### ***1.3.1. Nhân tố chủ quan***

*Thứ nhất*, nhận thức của nhà quản trị DN về phân tích HQKD

*Thứ hai*, năng lực chuyên môn của nhân viên thực hiện phân tích

*Thứ ba*, đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của DN

*Thứ tư*, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của DN

Ngoài ra, trong một số các nghiên cứu khác còn đề cập đến các nhân tố thuộc về bản thân doanh nghiệp tác động đến HQKD như độ tuổi của DN, quy mô doanh nghiệp, cấu trúc vốn, đòn bẩy tài chính, rủi ro kinh doanh. Những nhân tố này thường được sử dụng trong các mô hình kinh tế lượng.

#### ***1.3.2. Nhân tố khách quan***

*Thứ nhất*, phân tích HQKD chịu sự tác động bởi văn bản pháp luật của Nhà nước.

*Thứ hai*, phân tích HQKD chịu sự tác động của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành.

*Thứ ba*, phân tích HQKD chịu sự tác động bởi sự phát triển của khoa học công nghệ.

*Thứ tư*, phân tích HQKD chịu tác động bởi tính cạnh tranh trong ngành.

Bên cạnh các nhân tố trên, phân tích HQKD còn có thể chịu ảnh hưởng bởi yếu tố kinh tế như lãi suất, lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế, các yếu tố về văn hóa xã hội, yếu tố khách hàng, nhà cung cấp, yếu tố điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng,....

## **1.4. Kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh của một số nước trên thế giới và bài học cho các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam**

### ***1.4.1. Kinh nghiệm thế giới***

Trong nội dung phần này tác giả trình bày kinh nghiệm về phân tích HQKD của một số nước tiên tiến trên thế giới điển hình như nước Anh, nước Mỹ và nước Trung Quốc để từ đó đưa ra những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho các DN sản xuất trong nước tại Việt Nam.

### ***1.4.2. Bài học cho Việt Nam***

*Về cơ sở dữ liệu phân tích:* Quá trình phân tích HQKD có thể cung cấp thông tin có chất lượng và thực sự hữu ích cho những người quan tâm đòi hỏi cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích phải được thu thập từ nhiều nguồn một cách đầy đủ, chính xác bao gồm tất cả các thông tin bên trong và bên ngoài DN có liên quan đến nội dung phân tích. Thông tin được cung cấp phải đảm bảo có tính thống nhất và có thể so sánh được mà BCTC là nguồn dữ liệu quan trọng của quá trình phân tích HQKD. Vì vậy BCTC được lập theo tiêu chuẩn của IFRS trong tương lai gần giúp các DN Việt Nam tiến gần hơn với các DN trên thế giới trong nền kinh tế toàn cầu như hiện nay, từ đó giúp các DN trong nước thu hút thêm nhiều luồng tiền của các NĐT trong và ngoài nước.

*Về nội dung phân tích:* các DN cần xây dựng nội dung cùng hệ thống chỉ tiêu phân tích phải gắn với tính chất đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh. Với các DNSX nói chung và DNSX xi măng nói riêng có tỷ lệ gây ô nhiễm môi trường là rất lớn vì thế trong quá trình phân tích cần phải phân tích các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả đối với môi trường. Đồng thời, hệ thống chỉ tiêu phân tích HQKD cần phải có các chỉ tiêu mang tính so sánh, các chỉ tiêu phản ánh mức độ tăng trưởng... để các chủ thể sử dụng có thể đánh giá tính ổn định và bền vững trong sự phát triển của DN. Trong quá trình phân tích HQKD cần so sánh với hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành là cơ sở đáng tin cậy để các DN thấy được vị thế thực tại của chính DN đang đứng ở vị trí nào so với các DN khác cùng ngành. Tuy nhiên, bản thân mỗi DN không thể tự xây dựng được số liệu bình quân của ngành, của lĩnh vực. Điều này, đòi hỏi các ngành cần nỗ lực xây dựng được các chỉ tiêu trung bình của từng ngành là hết sức cần thiết.

*Về quy trình phân tích:* với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ số 4.0 như hiện nay đòi hỏi phân tích HQKD của các DN Việt Nam phải xây dựng được quy trình phân tích khoa học tích hợp với các phần mềm phân tích tiên tiến nhằm đem lại kết quả nhanh chóng và chính xác cho người sử dụng, hạn chế tối đa các sai sót trong quá trình phân tích và việc phân tích HQKD được chuyên môn hóa. Các bước trong quy trình phân tích đều phải thực hiện tốt từng khâu mới đem lại kết quả cuối cùng chính xác.

*Về phương pháp phân tích:* cần có sự vận dụng linh hoạt và kết hợp giữa các phương pháp. Khi phân tích HQKD thì các chỉ tiêu không nên chỉ dừng lại ở việc so sánh giữa năm trước với năm sau mà thời gian phân tích cần đủ dài từ 5 năm trở lên để có thể phản ánh chính xác và khách quan về HQKD của DN. Qua đó, cũng sẽ thấy được xu hướng và nhịp điệu tăng trưởng của DN để có thể dự báo kết quả kinh doanh trong những năm tiếp theo. Ngoài ra, các DN nên đưa phương pháp dự báo bằng mô hình kinh tế lượng vào trong quá trình phân tích HQKD bởi đây là phương pháp có căn cứ khoa học cao, đem lại kết quả tương đối chính xác giúp dự báo các chỉ tiêu kinh tế để xây dựng kế hoạch cũng như chiến lược phát triển cho DN mình.

*Về trình độ của người phân tích:* nội dung và các phương pháp sử dụng trong phân tích rất đa dạng và linh hoạt đặc biệt khi các DN Việt Nam trong tương lai rất gần sẽ áp dụng chuẩn mực của IFRS vào lập BCTC. Vì vậy, hoạt động phân tích HQKD đòi hỏi phải được thực hiện bởi những người có năng lực và trình độ chuyên sâu, am hiểu kỹ lưỡng về kế toán, tài chính và phân tích kinh doanh để đánh giá được chính xác về HQKD của từng DN.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT XI MĂNG NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM**

#### **2.1. Tổng quan về các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam**

##### ***2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển***

Ngành công nghiệp xi măng Việt Nam ra đời gắn với sự phát triển của lịch sử dân tộc. Cơ sở sản xuất xi măng đầu tiên là Nhà máy xi măng Hải Phòng với 2 lò có công suất 3 vạn tấn/năm. Trong giai đoạn trước năm 1990, ngành xi măng chậm phát triển do kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn.

Từ sau năm 1990, với tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm, ngành sản xuất xi măng Việt Nam đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu xi măng cả nước. Năm 1997 đã đáp ứng trên 80% và đến năm 2000 đã đáp ứng được hầu hết các nhu cầu về xi măng xây dựng trong cả nước. Năm 2005, sản lượng sản xuất và tiêu thụ nội địa Việt Nam là 28,8 triệu tấn. Đến năm 2009, sản lượng sản xuất và tiêu thụ nội địa 45,5 triệu tấn xi măng. Việt Nam đứng ở vị trí thứ 8 trong bảng xếp hạng các nước sản xuất nhiều xi măng trên thế giới

Từ sau năm 2010 đến nay, các DN xi măng Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, gặp rất nhiều khó khăn. Năm 2014, tình hình kinh tế Việt Nam đã bước đầu được phục hồi, thị trường bất động sản đã ấm dần lên và đạt được những kết quả khả quan nhất định. Năm 2017 do ảnh hưởng của thời tiết mưa bão nhiều, lũ lụt lớn ảnh hưởng đến việc tiêu thụ xi măng trong cả nước. Năm 2018 ngành xi măng có nhiều điểm sáng, xuất khẩu clinker và xi măng ở mức kỷ lục là 31,65 triệu tấn, lớn nhất từ trước tới nay tăng 55% so với năm 2017. Năm 2020, cả nước có 86 dây chuyền sản xuất được sản xuất theo phương pháp khô, sản lượng sản xuất xi măng đạt 80,97 triệu tấn trong đó tiêu thụ trong nước là 62,12 triệu tấn giảm 4% so với năm 2019.

### ***2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý***

Cơ cấu tổ chức của các DNSX xi măng niêm yết sẽ có cơ cấu tổ chức quản lý của CTCP theo hướng dẫn tại điều lệ mẫu theo quyết định số 15/2007/QĐ - BTC ban hành ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính. Do đó cơ cấu tổ chức trong các DNSX xi măng đều phải có các thành phần bắt buộc gồm: Đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát. Tác giả đưa ra 2 mô hình điển hình đại diện cho DN có bộ máy quản lý phức tạp là CTCP xi măng Hà Tiên và DN có bộ máy quản lý tương đối gọn nhẹ là CTCP xi măng Thái Bình.

### ***2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh và phân cấp quản lý tài chính của các DNSX xi măng ảnh hưởng đến phân tích hiệu quả kinh doanh***

Đặc điểm hoạt động của ngành sản xuất xi măng là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến HQKD cũng như phân tích HQKD trong các DN. Vì vậy, khi thực hiện phân tích HQKD các nhà phân tích phải chú trọng đến yếu tố này. Các đặc điểm của ngành xi măng quyết định đến nội dung và chỉ tiêu phân tích HQKD của các DNSX xi măng thông qua những đặc điểm dưới đây:

- *Đặc điểm về quy trình công nghệ sản xuất:*
- *Đặc điểm về đầu tư vốn:*
- *Đặc điểm nguồn nguyên vật liệu đầu vào:*
- *Đặc điểm về mối quan hệ với hoạt động xây dựng:*
- *Đặc điểm về chi phí môi trường:*
- *Đặc điểm về phân cấp quản lý tài chính:*

## **2.2. Thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam**

### ***2.2.1. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích***

100% các DNSX xi măng đều có sưu tầm tài liệu phục vụ cho quá trình phân tích bao gồm cả thông tin bên trong và bên ngoài DN cụ thể trong hệ thống BCTC thì 100% các nhà phân tích đều sử dụng bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để thu thập dữ liệu đưa vào phân tích, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh BCTC rất ít đơn vị đưa vào sử dụng. Đối với báo cáo quản trị thì thông tin được sử dụng cho phân tích chủ yếu dựa trên báo cáo của hội đồng quản trị và báo cáo của ban giám đốc. Có sự khác biệt giữa các DN khi sử dụng thông tin bên ngoài cụ thể: có 3/18 DNSX xi măng chỉ thực hiện thu thập thông tin chung về tình hình kinh tế chiếm 16,67%; có 6/18 DNSX xi măng lại thu thập thông tin theo ngành kinh tế chiếm 33,33% và số còn lại 9/18 DNSX xi măng thu thập cả thông tin chung về tình hình kinh tế và thông tin theo ngành kinh tế chiếm 50%.

### ***2.2.2. Thực trạng nội dung phân tích***

### *2.2.2.1. Nội dung phân tích theo quy định của pháp luật hiện hành*

Kết quả khảo sát cho thấy có 2/18 DN không thực hiện phân tích đầy đủ các chỉ tiêu theo hướng dẫn là công ty có mã chứng khoán TBX và SDY. Hai DN này là những DN có qui mô vốn rất nhỏ trong số các DNSX xi măng.

### *2.2.2.2. Nội dung phân tích dưới góc độ hiệu quả kinh tế*

Các nhà phân tích sẽ thực hiện phân tích HQKD dưới góc độ hiệu quả kinh tế thông qua 4 nội dung bằng cách đánh giá khái quát HQKD; phân tích năng lực hoạt động; phân tích khả năng sinh lợi và phân tích HQKD từ phía nhà đầu tư. Dựa trên kết quả khảo sát và kết quả thống kê từ phần mềm SPSS tác giả xem xét sự khác biệt về mức độ quan trọng và mức độ thực hiện trong từng nội dung và chỉ tiêu cụ thể. Từ đó đưa ra nhận xét về những chỉ tiêu nào thường được các nhà quản lý hay nhà đầu tư lựa chọn khi đưa ra quyết định và chỉ tiêu nào ít được sử dụng.

### *2.2.2.3. Nội dung phân tích dưới góc độ hiệu quả xã hội*

Căn cứ vào kết quả khảo sát và kết quả thống kê từ phần mềm SPSS cho thấy mức độ nhận thức về tầm quan trọng và mức độ thực hiện tại các DNSX xi măng niêm yết đối với vấn đề hiệu quả xã hội hiện nay vẫn còn thấp. Hiện nay, các DN chủ yếu chỉ quan tâm đến thu nhập cho người lao động trong khi đó tỷ lệ đầu tư chi phí cho hoạt động xã hội chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu của DN.

### *2.2.2.4. Nội dung phân tích dưới góc độ hiệu quả môi trường*

Dựa trên kết quả khảo sát và kết quả thống kê từ phần mềm SPSS cho thấy các DNSX xi măng niêm yết đều có ý thức và trách nhiệm đối với bảo vệ môi trường luôn được coi trọng và hầu hết các DN thực hiện khai thác tối đa theo giấy phép khai thác do Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp tuy nhiên việc thực hiện phân tích vẫn chưa được thường xuyên. Trong tất cả các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả môi trường đều cho thấy các nhà quản lý hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng các thông tin liên quan đến hiệu quả môi trường trong việc ra quyết định của họ.

## **2.2.3. Thực trạng về phương pháp phân tích**

Từ kết quả khảo sát và thống kê từ phần mềm SPSS chỉ ra rằng nhận thức về mức độ quan trọng của các phương pháp sử dụng trong phân tích của nhiều DN vẫn còn hạn chế. Phương pháp chủ đạo mà các DNSX xi măng niêm yết dùng trong phân

tích HQKD là phương pháp so sánh cụ thể là phương pháp so sánh giản đơn. Các phương pháp còn lại có mức độ sử dụng ít hơn nhiều so với phương pháp so sánh. Kết quả phỏng vấn cho thấy hiện tại chưa có bất cứ một DN nào thực hiện dự báo bằng mô hình kinh tế lượng mà hầu hết họ dự báo một chỉ tiêu nào đó dựa trên kết quả của các chỉ tiêu trong quá khứ và kỳ vọng ở tương lai.

#### ***2.2.4. Thực trạng về quy trình phân tích***

Chưa có một DNSX xi măng niêm yết nào có riêng một bộ phận chuyên về phân tích HQKD và công việc này hiện tại vẫn được thực hiện bởi bộ phận kiêm nhiệm chủ yếu là phòng kế toán và một số DN được thực hiện bởi các phòng ban khác như phòng marketing hay bộ phận phân tích khoán thuộc Phòng kế hoạch vật tư hay ban kiểm soát nội bộ. Việc phân tích HQKD trong một số DN không được tiến hành thường xuyên, định kỳ mà chỉ được thực hiện trước khi có Đại hội đồng cổ đông và mang tính chất đối phó.

### **2.3. Đánh giá thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam**

#### ***2.3.1. Những kết quả đạt được***

*Về cơ sở dữ liệu:* tất các DNSX xi măng niêm yết trước khi tiến hành phân tích HQKD đều thực hiện thu thập các tài liệu phục vụ cho phân tích. Dữ liệu thu thập dùng cho phân tích bao gồm cả dữ liệu bên trong và bên ngoài DN.

*Về nội dung phân tích:* một số DN đã xây dựng được nội dung phân tích rất đầy đủ và bài bản, cán bộ phân tích có trình độ chuyên môn sâu, am hiểu về lĩnh vực kế toán và phân tích điển hình như cán bộ phân tích thuộc CTCP xi măng Hà Tiên 1 hay CTCP xi măng Bim Sơn. Ngoài ra, thông tin của những DN này được trình bày đầy đủ trên Website riêng của từng công ty để các đối tượng có nhu cầu sử dụng dễ dàng nắm bắt được thông tin.

*Về phương pháp phân tích:* 100% các DNSX xi măng niêm yết đều sử dụng phương pháp so sánh trong quá trình phân tích HQKD. Công ty cổ phần Hà Tiên 1 đã vận dụng phương pháp hiện đại - phương pháp rolling forecast để dự toán về các chỉ tiêu tài chính trong một thời gian liên tục dựa trên mức độ hoạt động trong quá khứ phục vụ cho các quyết định ở hiện tại và trong tương lai.

*Về qui trình phân tích:* quy trình phân tích HQKD tại các DNSX xi măng niêm yết mặc dù chưa đầy đủ nhưng về cơ bản cũng đã đáp ứng được nhu cầu thông tin cơ bản. Quy trình phân tích trong các DNSX xi măng về cơ bản đều trải qua 3 giai đoạn gồm chuẩn bị phân tích, tiến hành phân tích và kết thúc phân tích.

### **2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Một số hạn chế**

*Về cơ sở dữ liệu:* trong quá trình phân tích các DNSX xi măng niêm yết rất ít sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hay trong báo cáo quản trị thì đa phần là sử dụng báo cáo của hội đồng quản trị và báo cáo của ban giám đốc. Vẫn còn một số DN chưa kết hợp sử dụng thông tin chung về tình hình kinh tế với thông tin theo ngành kinh tế. Nhiều DNSX xi măng niêm yết chưa tìm hiểu và chuẩn bị tài liệu về cách lập BCTC theo IFRS thậm chí có DN còn không biết đến sự tồn tại của IFRS.

*Về nội dung phân tích:* vẫn còn rất nhiều DN chưa thực hiện tốt công tác phân tích HQKD trong từng nội dung thậm chí còn có DN chưa thực hiện phân tích đầy đủ các chỉ tiêu tài chính cơ bản theo quy định của pháp luật. Hơn nữa các thông tin được cung cấp chưa được các nhà quản lý và nhà đầu tư sử dụng nhiều trong các quyết định quản lý hay quyết định đầu tư. Bên cạnh đó, các DNSX xi măng hiện nay chỉ chú trọng đến hiệu quả về mặt kinh tế mà chưa chú trọng đến hiệu quả về mặt xã hội và hiệu quả về mặt môi trường.

*Về phương pháp phân tích:* số liệu so sánh thường được các DN sử dụng từ 2 đến 3 năm, rất ít DN so sánh được số liệu trong thời gian 4 hoặc 5 năm. Rất ít DNSX xi măng niêm yết có sự so sánh chỉ tiêu phân tích với các DN khác cùng ngành hoặc với trung bình ngành hoặc nếu có so sánh cũng không được thể hiện trong BCTN và báo cáo phân tích của DN. Các phương pháp phân tích được cho là có tính kỹ thuật cao hơn so với phương pháp so sánh như phương pháp loại trừ, SWOT, dự đoán và Dupont được rất ít các DN sử dụng trong phân tích.

*Về qui trình phân tích:* hiện nay tất cả các DNSX xi măng đều chưa tổ chức được một bộ phận phân tích độc lập mà công việc phân tích hầu hết đều do phòng tài chính - kế toán thực hiện, một số ít DN công việc này lại được thực hiện bởi ban

kiểm toán nội bộ hay phòng marketing thực hiện hay phòng kế hoạch vật tư đảm nhiệm nên mức độ hiểu biết về chuyên môn còn bị hạn chế. Tại các DN này chưa có một quy trình phân tích chuẩn và vẫn còn DN không thực hiện lập kế hoạch phân tích trước khi tiến hành quá trình phân tích.

#### 2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

*Về cơ sở dữ liệu:* Hạn chế về nhận thức của nhà quản lý, cán bộ phân tích trình độ còn hạn chế và chưa cập nhật thông tin. Bên cạnh đó, các DN cũng chưa nhận thức được hết những lợi ích mà chuyển đổi số sẽ mang lại cho DN, mặt khác họ cũng ngại chuyển đổi nên cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin chưa được chú trọng và đầu tư trong DN.

*Về nội dung phân tích:* Quy định của pháp luật về chỉ tiêu phân tích chưa chặt chẽ và chưa mang tính bắt buộc. Thông tin về phân tích HQKD trong hầu hết các DNSX xi măng niêm yết tính minh bạch thông tin chưa cao. Công việc phân tích HQKD tại Việt Nam còn chưa được chú trọng. Kiến thức chuyên môn am hiểu sâu về lĩnh vực tài chính, kế toán của cán bộ phân tích chưa cao. Các DNSX xi măng niêm yết chưa có sự so sánh với các chỉ tiêu của DN khác hay với chỉ tiêu của TB ngành trong báo cáo phân tích.

*Về phương pháp phân tích:* chưa nhận thức được tính hữu dụng của phương pháp phân tích đem lại cũng như trình độ chuyên môn của các cán bộ phân tích còn hạn chế. Việc phân tích các chỉ tiêu chủ yếu dựa trên những công thức đã có sẵn vì thế trong phân giải thích nguyên nhân của sự biến động vẫn còn sơ sài, chưa cụ thể để làm rõ nguyên nhân ảnh hưởng, chưa giúp người sử dụng thông tin có được sự nhìn nhận đầy đủ và đúng đắn về HQKD của DN để thấy được cơ hội và tiềm năng phát triển của DN.

*Về qui trình phân tích:* chưa thành lập riêng được một bộ phận phân tích HQKD độc lập với những cán bộ phân tích có đủ năng lực và được đào tạo bài bản. Trong bối cảnh của cuộc CMCN 4.0 với nền kinh tế đang chuyển đổi số mạnh mẽ nhưng quy trình phân tích của các DN chưa cho thấy sự thích ứng với những thay đổi do chuyển đổi số mang lại nên hiệu quả chưa thực sự cao. Hầu hết các DNSX xi măng chưa cập nhật và đầu tư kinh phí cho các phần mềm tiên tiến hỗ trợ trong phân tích HQKD.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT XI MĂNG NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

**3.1. Định hướng phát triển, nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam**

**3.1.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam**

**3.1.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện**

Để hoàn thiện phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết cần đảm bảo các 3 yêu cầu sau: *yêu cầu cung cấp thông tin hữu ích; yêu cầu thông tin về lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thuận tiện, dễ áp dụng.*

Để đáp ứng các yêu cầu trên thì hoàn thiện phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết phải đáp ứng 05 nguyên tắc. Các nguyên tắc hoàn thiện nhằm hướng đến mục tiêu tinh gọn và hiệu quả gồm: *nguyên tắc hiệu quả; nguyên tắc phù hợp; nguyên tắc thống nhất; nguyên tắc linh hoạt và nguyên tắc khả thi.*

**3.2. Giải pháp hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết ở Việt Nam**

**3.2.1. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích**

Các DNSX xi măng niêm yết phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan đến nội dung phân tích bao gồm cả thông tin bên trong và thông tin bên ngoài DN.

Các DN cần sớm triển khai lập BCTC theo IFRS bởi đây được xem là một yêu cầu tất yếu. Trong số các chuẩn mực được ban hành của IFRS thì chuẩn mực BCTC số 13 “giá trị hợp lý” và chuẩn mực BCTC số 15 “doanh thu từ hợp đồng với khách hàng” có ảnh hưởng trực tiếp và nhiều nhất đến phân tích HQKD của DN.

**3.2.2. Hoàn thiện nội dung phân tích**

*\* Hoàn thiện nội dung đánh giá khái quát HQKD:*

Các DNSX xi măng niêm yết cần nhận thức rõ về sự khác biệt giữa HQKD với KQKD để lựa chọn chỉ tiêu phân tích và đưa ra những nhận xét chính xác. Các

DN cần phải phân tích chi tiết sự biến động và nguyên nhân của những biến động đó để người sử dụng thông tin có thể sử dụng trong việc ra các quyết định điều hành hay quyết định đầu tư.

*\* Hoàn thiện nội dung phân tích năng lực hoạt động:*

L luận án đề xuất cần bổ sung thêm một số nội dung và chỉ tiêu phân tích sau:

- + Phân tích năng lực sử dụng tài sản dài hạn:
- + Phân tích năng lực sử dụng tài sản cố định:
- + Phân tích năng lực sử dụng của vật tư:

*\* Hoàn thiện nội dung phân tích khả năng sinh lợi:*

Khả năng sinh lợi của chi phí chưa được nhiều DNSX xi măng quan tâm và thực hiện. Vì vậy, tác giả đưa ra cách tính và chỉ ra ý nghĩa cụ thể của chỉ tiêu này cho các DNSX xi măng niêm yết.

*\* Hoàn thiện nội dung phân tích HQKD từ phía nhà đầu tư:*

Hiện nay các DNSX xi măng niêm yết chỉ tập trung phân tích chỉ tiêu thu nhập trên mỗi cổ phiếu phổ thông. Vì vậy, tác giả bổ sung công thức xác định và chỉ ra ý nghĩa cụ thể của 2 chỉ tiêu hệ số giá trên thu nhập cổ phiếu và hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách.

*\* Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả xã hội:*

Tác giả cho rằng mỗi DN tùy thuộc vào hiệu quả kinh tế đạt được sẽ tính toán một tỷ lệ chi phí hợp lý tính trên tổng doanh thu và sẵn sàng chi ra khoản chi phí đó cho các hoạt động phát triển cộng đồng. Ngoài ra, DN luôn có các chính sách phúc lợi cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho họ.

*\* Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả môi trường:*

Để đạt được HQMT bản thân mỗi NQL DN trước hết phải tự ý thức được trách nhiệm của chính DN đối với bảo vệ môi trường. Tác giả đưa ra một vài giải pháp trong nội dung này như sau:

*Thứ nhất*, các DNSX xi măng cần khai thác đúng sản lượng theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp phép

*Thứ hai*, các DNSX xi măng cần tận dụng tối đa nguồn nguyên, nhiên liệu thứ cấp.

*Thứ ba*, các DNSX xi măng cần tận dụng tối đa các chất thải của các nhà máy công nghiệp khác

*Thứ tư*, các DNSX xi măng cần phải nhận diện và xác định được chính xác đâu là các yếu tố thuộc về chi phí môi trường.

*Thứ năm*, các DN phải thường xuyên kiểm tra hệ thống thiết bị lọc bụi đảm bảo đúng qui định yêu cầu.

*Thứ sáu*, cần nhắc lắp đặt hệ thống tận dụng phát điện nhiệt dư.

### **3.2.3. Hoàn thiện phương pháp phân tích**

Tác giả bổ sung cho các DNSX xi măng thêm một số phương pháp phân tích khác giúp quá trình phân tích được đầy đủ và chính xác phục vụ cho các quyết định trong ngắn hạn và dài hạn của DN nhằm phát triển bền vững. Các phương pháp cần vận dụng linh hoạt và có sự kết hợp để đạt kết quả phân tích tốt nhất.

➤ *Vận dụng phương pháp so sánh kết hợp với phương pháp biểu đồ:*

➤ *Vận dụng phương pháp loại trừ:*

➤ *Vận dụng phương pháp Dupont:*

➤ *Vận dụng phương pháp ma trận SWOT:*

➤ *Vận dụng phương pháp dự báo bằng mô hình kinh tế lượng:* Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu cho các DNSX xi măng niêm yết với 7 biến độc lập gồm: quy mô DN (SIZ), đòn bẩy tài chính (LEV), tính thanh khoản (LIQ), khả năng thanh toán (SOL), tỷ trọng tài sản cố định hữu hình (TANG), tốc độ tăng trưởng (GRO) và độ tuổi của DN (AGE). Biến phụ thuộc phản ánh HQKD được đo lường thông qua 3 chỉ tiêu là ROA, ROE và ROS.

Số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu được thu thập và tính toán từ BCTC của 13 DNSX xi măng niêm yết trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 với 143 quan sát. Mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

**Mô hình 1:**  $ROA_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \times SIZ_{i,t} + \beta_2 \times LIQ_{i,t} + \beta_3 \times LEV_{i,t} + \beta_4 \times SOL_{i,t} + \beta_5 \times TANG_{i,t} + \beta_6 \times GRO_{i,t} + \beta_7 \times AGE_{i,t} + \epsilon_{i,t}$

**Mô hình 2:**  $ROE_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \times SIZ_{i,t} + \beta_2 \times LIQ_{i,t} + \beta_3 \times LEV_{i,t} + \beta_4 \times SOL_{i,t} + \beta_5 \times TANG_{i,t} + \beta_6 \times GRO_{i,t} + \beta_7 \times AGE_{i,t} + \epsilon_{i,t}$

**Mô hình 3:**  $ROS_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \times SIZ_{i,t} + \beta_2 \times LIQ_{i,t} + \beta_3 \times LEV_{i,t} + \beta_4 \times SOL_{i,t} + \beta_5 \times TANG_{i,t} + \beta_6 \times GRO_{i,t} + \beta_7 \times AGE_{i,t} + \epsilon_{i,t}$

Trong đó:  $\beta_0, \beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6$  và  $\beta_7$  là các hệ số tương quan.

$e_i, t$  là sai số của công ty  $i$  trong năm  $t$ .

Kết quả chạy mô hình cho kết quả phù hợp với các giả thuyết nghiên cứu đã đưa ra (quy mô DN tác động cùng chiều đến HQKD, tính thanh khoản có tác động cùng chiều đến HQKD, đòn bẩy tài chính có tác động ngược chiều đến HQKD, khả năng thanh toán có tác động cùng chiều đến HQKD, tỷ trọng tài sản cố định hữu hình có tác động cùng chiều đến HQKD, tốc độ tăng trưởng có tác động cùng chiều đến HQKD và độ tuổi của DN có tác động cùng chiều đến HQKD). Để nâng cao HQKD dưới góc độ hiệu quả kinh tế các DNSX xi măng niêm yết cần tính toán và đưa ra các chính sách thúc đẩy nhân tố LIQ và SOL. Khi hiệu quả kinh tế tăng trưởng tốt là tiền đề để các DN quan tâm và đầu tư nhiều hơn cho hoạt động xã hội và hoạt động môi trường.

#### **3.2.4. Hoàn thiện quy trình phân tích**

Quy trình phân tích trong các DNSX xi măng cần phải xây dựng đủ 3 bước gồm: Lập kế hoạch phân tích; thực hiện phân tích và kết thúc phân tích (báo cáo và lưu trữ). Mỗi một bước trong qui trình cần phải xây dựng chi tiết, cụ thể và rõ ràng.

### **3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam**

#### **3.3.1. Đối với Nhà nước**

*Thứ nhất*, Nhà nước cần ổn định kinh tế vĩ mô.

*Thứ hai*, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về công bố thông tin trên TTCK.

*Thứ ba*, cần có chế tài hoặc cơ chế thưởng, phạt rõ ràng cho các DNSX xi măng niêm yết.

*Thứ tư*, hỗ trợ các DN xây dựng hệ thống chỉ tiêu tài chính theo ngành, theo lĩnh vực kinh doanh.

*Thứ năm*, Nhà nước cần đưa ra nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ các DN nhằm đẩy mạnh xuất khẩu xi măng để giải quyết vấn đề dư cung trong nước.

#### **3.3.2. Đối với Ngành và Hiệp hội Xi măng**

Để hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các DN xi măng thì Hiệp hội cần xây dựng riêng hệ thống các chỉ tiêu phân tích HQKD sao cho thống nhất và phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp xi măng nói riêng và các DNSX xi măng nói chung.

### ***3.3.3. Đối với các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết***

*Thứ nhất*, các DN cần tăng cường nhận thức cho các nhà quản lý, các đơn vị, phòng, ban trong DN về sự cần thiết và tầm quan trọng của việc phân tích HQKD.

*Thứ hai*, DN cần tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động phân tích HQKD

*Thứ ba*, DN phải thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho cán bộ phân tích

*Thứ tư*, DN cần tiến hành công tác phân tích HQKD mang tính định kỳ, thường xuyên.

*Thứ năm*, các DN cần cùng nhau xây dựng một cách chi tiết, đầy đủ và thống nhất bộ chỉ tiêu phân tích HQKD phù hợp với ngành công nghiệp xi măng

*Thứ sáu*, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước nhanh chóng xây dựng và phát triển DNSX xi măng niêm yết ngày một lớn mạnh.

## KẾT LUẬN

Trong những năm qua mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid - 19 gây ra cho toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam, các DNSX xi măng niêm yết trong nước cũng không rơi vào trường hợp ngoại lệ. Việc sản xuất và kinh doanh của các DNSX xi măng gặp vô vàn những khó khăn, thách thức nhưng các DN đã luôn cố gắng, nỗ lực vượt qua để giảm thiểu tối đa những bất lợi gây ra đó. Để có thể phát huy hiệu quả hoạt động của các DNSX xi măng niêm yết đòi hỏi phải không ngừng hoàn thiện hoạt động phân tích HQKD tại các DN này nhằm hỗ trợ việc đưa ra các quyết định quan trọng trong hoạt động SXKD cũng như cung cấp các thông tin hữu ích để thu hút các NĐT đặc biệt trong thời đại công nghệ số 4.0 và đến năm 2025 bắt buộc tất cả các DN phải áp dụng lập BCTC theo chuẩn mực BCTC quốc tế IFRS thì việc hoàn thiện phân tích HQKD trong các DN nói chung và DNSX xi măng niêm yết nói riêng càng cần thiết hơn bao giờ hết. Vì thế, việc hoàn thiện phân tích HQKD trong các DNSX xi măng niêm yết là một đề tài có ý nghĩa cả về mặt lý thuyết và thực tiễn.

Trong phạm vi nội dung, luận án đã giải quyết được những vấn đề sau:

- Bổ sung vào cơ sở lý luận về phân tích HQKD trong các DNSX để làm rõ bản chất của HQKD và phân tích HQKD trong các DNSX.
- Chỉ ra được ảnh hưởng đặc điểm ngành xi măng có ảnh hưởng đến phân tích HQKD như thế nào, làm rõ những thành tựu đã đạt được, những mặt còn tồn tại trong quá trình phân tích HQKD tại 18 DNSX xi măng niêm yết. Từ đó đề xuất các nhóm giải pháp giúp phù hợp với mỗi DNSX xi măng nhằm hoàn thiện phân tích HQKD trong DN mình nhằm cung cấp thông tin có giá trị phục vụ cho các quyết định của nhà quản lý, nhà đầu tư và các đối tượng quan tâm khác.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vũ Thị Quỳnh Chi, Bạch Thị Huyền (2016), “*Giải quyết tồn tại trong phân tích báo cáo tài chính ở VNPT Thái Nguyên*”, Tạp chí Tài chính, số 630.
2. Bạch Thị Huyền (2016), “*Thực trạng áp dụng kế toán chu trình chi phí tại một số doanh nghiệp khai thác than trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trường ĐH Quy Nhơn.
3. Bạch Thị Huyền, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Hương (2017), “*Một số giải pháp nhằm hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Sông Cầu Bắc Kạn*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số cuối tháng.
4. Nguyễn Thu Hằng, Bạch Thị Huyền (2020), “*Đẩy mạnh áp dụng hóa đơn điện tử cho các doanh nghiệp*”, Tạp chí Tài chính, số 727.
5. Bạch Thị Huyền (2021), “*Đặc điểm của ngành xi măng ảnh hưởng đến phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 592.
6. Bạch Thị Huyền (2021), “*Một số giải pháp nhằm hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng niêm yết tại Việt Nam*”, Tạp chí Công thương, số 18.
7. Bạch Thị Huyền (2021), “*Một số yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 595.